

Phụ lục 17 - Mẫu báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư của quỹ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 224/2012/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tháng 06 năm 2013

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPT
- Ngày lập báo cáo: 02/07/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	716,184,129	1,443,711,580	2,925,532,809
1	Cổ tức được nhận	654,475,150	1,443,711,580	2,863,823,830
2	Lãi trái phiếu được nhận	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	61,708,979	-	61,708,979
4	Các khoản thu nhập khác	-	-	-
II	Chi phí	382,055,896	393,914,829	2,254,088,346
1	Phí Quản lý trả cho công ty quản lý Quỹ	304,283,305	327,017,514	1,794,681,754
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát	21,736,206	21,736,206	130,793,378
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)	19,554,784	20,039,587	117,975,000
4	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư	19,554,764	20,039,587	117,975,000
5	Chi phí Kiểm toán	14,817,809	15,415,069	94,954,108
6	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ bảo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho bên đại diện quỹ	12,000,000	-	58,140,953
7	Chi phí tư vấn, định giá	-	-	-
8	Chi phí niêm yết	-	-	-
9	Thù lao Ban Đại Diện Quỹ	12,000,000	-	22,140,953
10	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ	9,335,340	9,646,518	56,323,210
11	Chi phí hợp, đại hội	9,335,340	9,646,518	56,323,210
12	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ	-	-	-
13	Các loại phí khác	228,472	59,935	1,219,943
14	Phí ngân hàng	228,472	59,935	1,219,943
15	Chi phí khác	-	-	-
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)	334,128,233	1,049,796,751	671,444,463
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(13,951,818,409)	18,209,182,128	33,482,950,008
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(189,821,309)	(545,908,639)	(4,860,192,550)
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(13,762,298,100)	18,755,090,765	38,343,142,558
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	(13,617,791,176)	19,258,978,877	34,154,394,471
VI	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ	195,863,490,784	175,604,511,907	148,091,305,137
VII	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(13,617,791,176)	19,258,978,877	34,154,394,471
1	Trong đó	-	-	-
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ	(13,617,791,176)	19,258,978,877	34,154,394,471
3	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-	-
VIII	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	182,245,699,608	195,863,490,784	182,245,699,608
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)	-	-	-
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)	-	-	-



Phan Thị Huỳnh Dao

Giám đốc Dịch vụ Lưu Ký, Thanh toán và Bù Trừ,
Bộ phận Dịch vụ Chứng Khoán Việt Nam



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh